

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2023/DSST
Ngày 20-6-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU,
TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hạ;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Văn Tụ;

2. Bà Quách Thị Yến Linh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai, thư ký
Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu tham gia
phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuân Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dương
Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
159/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng
vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXX ngày 26
tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị TH**, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp PL A,
xã PM, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà TH:

Ông Phan BN, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ 5 ấp 3 xã VL A, huyện
BC, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Ông Nguyễn MS, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn ET,
huyện CJ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số 09, ấp PL
A, xã PM, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NHẬN THẤY:

Người đại diện theo ủy quyền của bà TH, ông Phan BN trình bày:

Bà TH có cho ông P vay tiền cụ thể như sau:

+ Ngày 13-5-2021: 300.000.000 đồng.

+ Ngày 22-5-2021: 50.000.000 đồng.

- + Ngày 17-5-2021: 150.000.000 đồng.
- + Ngày 28-5-2021: 200.000.000 đồng.
- + Ngày 30-8/2021: 200.000.000 đồng.
- + Ngày 22-6-2021: 500.000.000 đồng.
- + Ngày 25-6-2021: 100.000.000 đồng.
- + Ngày 29-6-2021: 70.000.000 đồng.

Tổng cộng 08 lần vay là 1.570.000.000 đồng.

Các khoản tiền bà TH cho ông P vay đều không có lãi. Bà TH không nhớ thời hạn trả của từng khoản tiền. Tuy nhiên trong năm 2021 bà TH có đòi tiền, hai bên có nói khi nào ông P có tiền thì trả sớm cho bà nhưng ông P đến nay vẫn chưa trả cho bà TH khoản tiền gốc, lãi nào.

- Tại giấy nợ vay 70.000.000 đồng ngày 29-6-2021 bà TH có viết dòng chữ “anh trả 70 triệu lãi anh P chưa trả 4.000.000 đồng”; lý do bà TH nghĩ ông P sẽ trả số tiền này, nhưng viết xong thì sau đó vẫn không thấy ông P trả tiền cho bà. Vì vậy số tiền này ông P chưa trả tiền cho bà TH.

Vào ngày 13-3-2023, bà TH và ông P làm giấy chốt nợ. Giấy chốt nợ là giấy tái xác nhận khoản nợ bà TH cho ông P vay ngày 13-2-2022 với số tiền 1.430.000.000 đồng và khoản nợ cũ trong năm 2021 là 1.570.000.000 đồng, vì vậy hai bên chốt thành một giấy nợ là 3.000.000.000 đồng. Vì giấy chốt nợ tái xác nhận nợ vay ngày 13-2-2022 nên ngày lập giấy chốt nợ hai bên sửa lại thành ngày 13-2-2022.

Số tiền 3.000.000.000 đồng này bà TH cho ông P vay không lãi, ông P hẹn trả gốc 3.000.000.000 đồng vào ngày 10-9-2022 nhưng không trả.

Nay bà TH khởi kiện: Yêu cầu ông P trả cho bà TH số tiền gốc 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng và yêu cầu tính lãi tính theo quy định pháp luật tính từ ngày 10-9-2022.

Ông Nguyễn Văn P trình bày:

Thừa nhận lời khai của ông Nguyễn về việc ông có vay của bà TH tổng cộng 1.570.000.000 đồng vào các ngày 13-5-2021, ngày 22-5-2021, ngày 17-5-2021, ngày 28-5-2021, ngày 30-8-2021, ngày 22-6-2021, ngày 25-6-2021, ngày 29-6-2021 là đúng.

Tuy nhiên các khoản vay trên khi vay mức lãi đều là 3%/tháng. Các khoản vay đều thỏa thuận thời hạn trả như sau: Khoản vay cứ trả lãi theo thỏa thuận, tiền gốc thì khi nào có tiền thì trả, không có hạn chế thời hạn trả.

Sau khi vay ông đã trả gốc 70.000.000 đồng vay ngày 29-6-2021. Bà TH có xác nhận “anh trả 70 triệu lãi anh P chưa trả 4.000.000 đồng” tại giấy nợ.

Vì vậy ông chỉ còn nợ gốc 1.500.000.000 đồng.

Về giấy chốt nợ: Giấy này ông và bà TH chốt nợ tại Tòa án khi vụ án đang giải quyết theo thủ tục hòa giải đối thoại vào ngày 13-3-2023.

Nguyên nhân hai bên chốt nợ 3.000.000.000 đồng: Do thời điểm đó ông không nhớ rõ nợ bà TH bao nhiêu tiền, bà TH nói hai bên chốt nợ 3.000.000.000 đồng thì bà TH sẽ không tính lãi nữa và hạn đến tháng 3-2024 mới trả nên ông đồng ý. Tuy nhiên sau đó về tính toán lại thì ông thấy không

đúng vì đã trả gốc, lãi cho bà TH nhiều rồi. Ngày chốt nợ 13-3-2023 ông không có nhận thêm từ bà TH số tiền 1.430.000.000 đồng. Ông không có chứng cứ việc trả lãi nên không có yêu cầu tính lại lãi.

Nay ông thừa nhận vay của bà TH số tiền gốc tổng cộng 1.570.000.000 đồng, đã trả gốc 70.000.000 đồng đồng; do đó ông đồng ý trả cho bà TH số tiền gốc còn lại là 1.500.000.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Bà Tuyết đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Vân, ông Sơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, không có lý do xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét vắng mặt đương sự đúng theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồng đối với ông P.

Buộc ông P có trách nhiệm trả cho bà Hồng số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Hồng đối với số tiền 1.500.000.000 đồng.

Ghi nhận bà TH không yêu cầu tính lãi.

Về án phí: Đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bà TH vắng mặt, có người đại diện theo ủy quyền có mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về khoản nợ gốc 1.500.000.000 đồng:

Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự thống nhất ông P có vay và còn nợ bà TH các khoản vay cụ thể:

- + Ngày 13-5-2021: 300.000.000 đồng.
- + Ngày 22-5-2021: 50.000.000 đồng.
- + Ngày 17-5-2021: 150.00.000 đồng.
- + Ngày 28-5-2021: 200.000.000 đồng.
- + Ngày 30-8/2021: 200.000.000 đồng.
- + Ngày 22-6-2021: 500.000.000 đồng.
- + Ngày 25-6-2021: 100.000.000 đồng.

Tổng cộng 1.500.000.000 đồng. Ông P đồng ý trả số tiền này cho bà TH, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về khoản nợ gốc 70.000.000 đồng vay ngày 29-6-2021:

Hai bên đương sự cùng thống nhất ông P có vay 70.000.000 đồng vay ngày 29-6-2021, cùng thừa nhận tại giấy nợ bà TH có ghi dòng chữ “anh trả 70 triệu lãi anh P chưa trả 4.000.000 đồng”.

Ông P cho rằng ông đã trả nợ nên bà TH đã xác nhận việc ông trả nợ, nhưng người đại diện hợp pháp của bà TH cho rằng bà TH ghi dòng chữ trên là do nghĩ ông P sẽ trả tiền nên xác nhận nội dung trên, còn thực tế ông P không trả tiền.

Thấy rằng, tại giấy nợ ngày 29-6-2021 bà TH đã tự viết xác nhận nội dung “anh trả 70 triệu lãi anh P chưa trả 4.000.000 đồng”, không bị ai ép buộc, lừa dối, là tự thừa nhận ông P đã trả số tiền 70.000.000 đồng. Nay bà TH cho rằng ông P chưa trả số tiền nợ 70.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về giấy chốt nợ 3.000.000 đồng:

Tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận giấy chốt nợ lập ngày 13-3-2023, sau đó được sửa lại thành ngày 13-3-2022. Các bên cũng thừa nhận ông P, bà TH chốt nợ ngày 13-3-2023, trong đó bao gồm nợ cũ vay ngày 13-5-2021, ngày 22-5-2021, ngày 17-5-2021, ngày 28-5-2021, ngày 30-8/2021, ngày 22-6-2021, ngày 25-6-2021, ngày 29-6-2021, tổng cộng 1.570.000.000 đồng nêu trên.

Về số tiền 1.430.000.000 đồng phát sinh thêm tại giấy chốt nợ: Ông BN cho rằng đây là tiền bà TH cho ông P vay vào ngày 13-3-2022, vay không có giấy nợ, đến ngày 13-3-2023 thì hai bên mới lập giấy chốt nợ tái xác nhận lại khoản nợ này, nhưng ông P không thừa nhận.

Thấy rằng, tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 14-4-2023, bản thân bà TH đều thừa nhận ông P nợ bà tiền gốc là 1.570.000.000 đồng, số tiền 1.430.000.000 đồng là tiền lãi nên nợ chốt tổng cộng thành 3.000.000 đồng. Ngày 13-3-2023 bà TH không giao cho ông P số tiền 1.430.000.000 đồng.

Bên cạnh đó, tại đơn khởi kiện ban đầu của bà TH, bà TH xác định ông P vay bà 08 lần với tổng số tiền 1.570.000.000 đồng, yêu cầu ông P trả 1.570.000.000 đồng, không đề cập đến số tiền 1.430.000.000 đồng. Hơn nữa, trong năm 2021 bà TH cho ông P vay 08 lần đều có giấy nợ từng lần vay, mỗi lần vay ông P đều vi phạm thời hạn trả nợ, nhưng ngày 13-3-2022 bà TH cho ông P vay 1.430.000.000 đồng nhưng lại không làm giấy nợ, là không phù hợp

Như vậy, số tiền 1.430.000.000 đồng bà TH cho ông P vay ngày 13-3-2023 như ông Nguyễn trình bày là không có thật. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà TH về số tiền 1.430.000.000 đồng.

[5] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà TH không yêu cầu tính lãi, ông P đồng ý, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị TH, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016:

Bà TH phải chịu án phí đối với yêu cầu của bà không được Tòa án chấp nhận 1.500.000.000 đồng:

$36.000.000 \text{ đồng} + (3\% \times (1.500.000.000 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng})) = 57.000.000 \text{ đồng}.$

Ông P phải chịu án phí đối với yêu cầu của bà TH được Tòa án chấp nhận 1.500.000.000 đồng:

$36.000.000 \text{ đồng} + (3\% \times (1.500.000.000 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng})) = 57.000.000 \text{ đồng}.$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147; 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị TH đối với ông Nguyễn Văn P đối với số tiền 1.500.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị TH đối với số tiền 1.500.000.000 đồng.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị TH không yêu cầu tính lãi.

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn P có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị TH số tiền nợ gốc 1.500.000.000 (*Một tỷ năm trăm năm triệu*) đồng.

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị TH phải chịu 57.000.000 đồng, được khấu trừ vào 46.000.000 đồng số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013234 ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Bà Nguyễn Thị TH còn phải nộp 11.000.000 đồng.

2.2. Ông Nguyễn Văn P phải chịu 57.000.000 (*Năm mươi bảy triệu*) đồng.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. “Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- CC THA Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

TẠ THỊ HẠ